TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Tô Ngọc Thuận
Ông Dương Tấn Thành

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị H - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 09-8-2024).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C - Sinh năm 1974 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07-5-2024, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là bà Lương Thị H trình bày: bà H và ông Trần Văn C cưới nhau, sau đó đăng ký kết hôn ngày 14-9-2001 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, thường xuyên gây cãi nhau, mất hạnh phúc gia đình, đã cho nhau cơ hội để đoàn tụ nhưng không có kết quả. Về hôn nhân: bà H yêu cầu ly hôn với ông C. Về con chung: có 03 con chung tên Trần Văn

C1, sinh ngày 17-10-1997; Trần Ngọc Ẩ, sinh ngày 18-8-1999 và Trần Thị H1, sinh ngày 26-01-2002. Hiện cả 03 con chung đã hơn 18 tuổi, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Ông Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: mâu thuẫn giữa bà H và ông C đã trầm trọng, không có cơ hội đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: bà Lương Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Văn C. Ông C cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ông C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần) nhưng không có mặt để tham gia hòa giải. Vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà H: bà H và ông C xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày ngày 14-9-2001 tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà H cho rằng vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4 năm 2023 và đã cho nhau nhiều cơ hội đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã triệu tập ông C để hòa giải hai lần nhưng ông C vẫn vắng mặt, bỏ mặc, không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H. Xét mâu thuẫn giữa bà H và ông C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: bà H cho rằng cả 03 con chung tên Trần Văn C1, sinh ngày 17-10-1997; Trần Ngọc Ẩ, sinh ngày 18-8-1999 và Trần Thị H1, sinh ngày 26-01-

2002 đều hơn 18 tuổi, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông C vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về con chung trong vụ án này. Nếu sau này giữa bà H và ông C có phát sinh tranh chấp liên quan đến vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5]. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết về tài sản và cho rằng không có nợ chung. Ông C vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tài sản và nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về tài sản và nợ trong vụ án này. Nếu sau này giữa bà H và ông C có phát sinh tranh chấp về tài sản hoặc về nợ thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6]. Với những nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H và giao con chung cho bà H nuôi là có cơ sở chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp. Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị H đối với ông Trần Văn C về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: Cho bà Lương Thị H được ly hôn với ông Trần Văn C.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lương Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng

án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004520 ngày 21-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Nam;
- Lưu hồ sơ, án văn.